

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm: 2024

I. THÔNG TIN CHUNG¹

1. Tên trường (bao gồm tên bằng tiếng nước ngoài):

- Tên tiếng Việt: Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN
- Tên tiếng Anh: VNU, ULIS.

2. Địa chỉ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử của Trường ĐHNN, ĐHQGHN:

- Địa chỉ: Số 02 đường Phạm Văn Đồng, Cầu Giấy, Hà Nội
- Email: dhnn@vnu.edu.vn
- Website: <https://ulis.vnu.edu.vn/>
- Điện thoại: 024.375.47.269

3. Loại hình của nhà trường, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp:

- Loại hình hoạt động: công lập
- Cơ quan quản lý trực tiếp: Đại học Quốc gia Hà Nội

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của nhà trường:

Sứ mệnh

Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN đóng góp vào sự phát triển và hội nhập, xây dựng và bảo vệ đất nước thông qua việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu khoa học, thực hiện đổi mới sáng tạo, chuyển giao tri thức, cung cấp các

sản phẩm và dịch vụ đáp ứng nhu cầu xã hội theo chuẩn quốc tế về các lĩnh vực giáo dục ngoại ngữ, ngôn ngữ học, quốc tế học và một số ngành khoa học xã hội và nhân văn có liên quan.

Tầm nhìn 2045

Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN trở thành một trường đại học hàng đầu, có uy tín cao trong nước, trong khu vực và trên thế giới trong các lĩnh vực giáo dục ngoại ngữ, ngôn ngữ học, quốc tế học và một số ngành khoa học xã hội và nhân văn có liên quan.

Giá trị cốt lõi

Đổi mới sáng tạo, trách nhiệm quốc gia, phát triển bền vững

Khẩu hiệu hành động

Cùng nhau kiến tạo cơ hội! (*Creating Opportunities Together!*)

Triết lý giáo dục

Kiến tạo xã hội, phát triển toàn diện, tự chủ, khai phóng, năng động, sáng tạo!

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của nhà trường:

Thành lập năm 1955, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHNN, ĐHQGHN) là một trong những trường đại học lâu đời nhất ở Việt Nam. Trải qua 70 năm xây dựng và trưởng thành, Trường đã có bề dày truyền thống, kinh nghiệm, có nhiều đóng góp giá trị trong đào tạo, nghiên cứu giáo dục ngoại ngữ, ngôn ngữ học và quốc tế học tại Việt Nam. Trong xu thế toàn cầu hóa và hội nhập ngày càng sâu rộng với nền kinh tế tri thức thời đại công nghệ 4.0, Trường cần có chiến lược mới với những giải pháp mới nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực chất lượng cao, trình độ cao của đất nước, khu vực, châu lục và thế giới. Vì vậy, Chiến lược này được xây dựng trên cơ sở Chiến lược phát triển Trường ĐHNN, ĐHQGHN đến năm

2020, tầm nhìn 2030 đã được phê duyệt và căn cứ vào Chiến lược phát triển Đại học Quốc gia Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn 2045 và Nghị quyết Đại hội đại biểu đảng bộ Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020-2025, phù hợp với tình hình mới, nhận thức mới, tiếp tục định hướng cho sự phát triển lâu dài, bền vững của Trường.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử:

- Họ và tên: Nguyễn Xuân Long
- Chức vụ: Hiệu trưởng
- Địa chỉ nơi làm việc: số 02 đường Phạm Văn Đồng, Cầu Giấy, Hà Nội
- Email: dhnn@vnu.edu.vn
- Điện thoại: 024.375.47.269

II. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Các chỉ số đánh giá về đội ngũ giảng viên toàn thời gian²

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo ³ (Năm 2024)	Năm trước liền kề năm báo cáo ⁴ (Năm 2023)
1	Tỷ lệ người học quy đổi trên giảng viên	17.7%	
2	Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động	62.2%	63.4%
3	Tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ	33.9%	33.1%

2. Thống kê đội ngũ giảng viên toàn thời gian theo các lĩnh vực đào tạo⁵

TT	Đội ngũ giảng viên	Số lượng	Trình độ	Chức danh
----	--------------------	----------	----------	-----------

			Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS
1	Giảng viên toàn thời gian	483	27	291	163	9	3

3. Thống kê đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên khối hành chính và hỗ trợ⁶

TT	Chỉ số	Năm báo cáo (2024)	Năm trước liền kề năm báo cáo (2023)
1	Số cán bộ quản lý khối hành chính và hỗ trợ	18 người	16 người
2	Số nhân viên khối hành chính và hỗ trợ	153 người	154 người
3	Tỷ lệ cán bộ quản lý và nhân viên khối hành chính và hỗ trợ trên tổng số giảng viên toàn thời gian	35.6%	34.7%

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Các chỉ số đánh giá về cơ sở vật chất⁷

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo (2024)	Năm trước liền kề năm báo cáo (2023)
1	Diện tích đất/người học (m2)	2,76	3,19
2	Diện tích sàn/người học (m2)	2,5	2,9
3	Tỷ lệ giảng viên có chỗ làm việc riêng biệt	6,4	
4	Số đầu sách/ngành đào tạo	2763/36= 54 cuốn	2763/36= 54 cuốn

5	Số bản sách/người học	13 cuốn (497 học viên + 98 nghiên cứu sinh + 6985 sinh viên)	15 cuốn (6437 sinh viên + 100 học viên + 70 nghiên cứu sinh)
6	Tỷ lệ học phần sẵn sàng giảng dạy trực tuyến	80%	80%
7	Tốc độ Internet/1.000 người học (Mbps)	100 Mbps	106 Mbps

2. Diện tích đất và diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo⁸

TT	Địa điểm	Địa chỉ	Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn (m ²)
1	Trụ sở chính	Số 02 đường Phạm Văn Đồng, Cầu Giấy, HN.	44.128,2	40.100
Tổng cộng			44.128,2	40.100

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kiểm định cơ sở giáo dục

- Tên tổ chức kiểm định: Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục, ĐHQG TPHCM
- Tiêu chuẩn kiểm định được áp dụng: Bộ KĐCL cơ sở giáo dục, Bộ GD&ĐT
- Mức độ đạt kiểm định:
 - + Đảm bảo chất lượng về chiến lược: 4,36
 - + Đảm bảo chất lượng về hệ thống: 4,21
 - + Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng: 4.31

+ Kết quả hoạt động:

4,29

- Thời gian hiệu lực: từ ngày 11 tháng 10 năm 2022 đến ngày 11 tháng 10 năm 2027

TT	Số quyết định	Ngày quyết định	Tổ chức công nhận
1	40/QĐ-TTKĐ	09/9/2016	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – ĐHQG TPHCM
2	117/QĐ-TTKĐ	12/10/2022	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – ĐHQG TPHCM

2. Danh mục chương trình đào tạo được kiểm định

TT	Mã ngành	Tên ngành	Tên chương trình đào tạo	Số QĐ công nhận kiểm định chất lượng	Tên tổ chức	Thời gian hiệu lực
1	714CLC	Sư phạm	Sư phạm Tiếng Trung CLC	1144/QĐ-TCCB	Viện ĐBCLGD - ĐHQGHN	24/9/2010~24/9/2015
2	52140233	Sư phạm	Sư phạm Tiếng Pháp CLC	1145/QĐ-TCCB	Viện ĐBCLGD - ĐHQGHN	24/9/2010~ 24/9/2015
3	52140231	Sư phạm	Sư phạm tiếng Anh CLC	AP33VNUHNMAY12	AUN - QA	5/6/2012 ~ 5/6/2017
4	52140234	Sư phạm	Sư phạm tiếng Trung Quốc CLC	2199/QĐ-ĐBCL	ĐHQGHN	4/7/2012 ~ 4/7/2017
5	7220205	Ngôn ngữ	Ngôn ngữ Đức	1128/QĐ-ĐHNN	Viện ĐBCLGD - ĐHQGHN	29/8/2012 ~ 29/8/2017

TT	Mã ngành	Tên ngành	Tên chương trình đào tạo	Số QĐ công nhận kiểm định chất lượng	Tên tổ chức	Thời gian hiệu lực
6	7220210	Ngôn ngữ	Ngôn ngữ Hàn Quốc	1497b/QĐ-ĐHNN	Viện ĐBCLGD - ĐHQGHN	30/09/2013 ~ 30/9/2018
7	8220201	Ngôn ngữ	Thạc sĩ Ngôn ngữ Anh	AP59VNUHNDEC13	AUN - QA	19/1/2014 ~ 19/1/2019
8	7220202	Ngôn ngữ	Ngôn ngữ Nga	1535/QĐ-ĐHNN	Viện ĐBCLGD - ĐHQGHN	30/9/2014 ~ 30/9/2019
9	52220201	Ngôn ngữ	Ngôn ngữ Anh CLC	3093/QĐ-ĐBCL	Viện ĐBCLGD - ĐHQGHN	25/8/2015 ~ 25/8/2020
10	7220203	Ngôn ngữ	Ngôn ngữ Pháp	897/QĐ-ĐHNN	Viện ĐBCLGD - ĐHQGHN	11/4/2016 ~ 11/4/2021
11	7220204	Ngôn ngữ	Ngôn ngữ Trung Quốc	896/QĐ-ĐHNN	Viện ĐBCLGD - ĐHQGHN	11/4/2016 ~ 11/4/2021
12	8140231	Sư phạm	Thạc sĩ Lý luận và phương pháp dạy học Bộ môn tiếng Anh	AP179VNUHNSEP16	AUN - QA	5/11/2016 ~ 5/11/2021
13	8220204	Ngôn ngữ	Thạc sĩ ngành Ngôn ngữ Trung Quốc	418/QĐ-ĐHNN	Viện ĐBCLGD – ĐHQGHN	20/2/2017 ~ 20/2/2022
14	52220201	Ngôn ngữ	Ngôn ngữ Anh CLC	AP367VNU HNDEC18	AUN - QA	20/01/2019 ~ 20/01/2024

TT	Mã ngành	Tên ngành	Tên chương trình đào tạo	Số QĐ công nhận kiểm định chất lượng	Tên tổ chức	Thời gian hiệu lực
15	7220205	Ngôn ngữ	Ngôn ngữ Đức	AP508VNUHNDEC19	AUN - QA	12/01/2020 ~ 12/02/2025
16	7220211	Ngôn ngữ	Ngôn ngữ Arap	AP561VNUHNNOV20	AUN - QA	6/12/2020 ~ 6/12/2025
17	7220202	Ngôn ngữ	Ngôn ngữ Nga	AP794VNUFEB22	AUN - QA	25/3/2022 ~ 25/3/2027
18	7220204	Ngôn ngữ	Ngôn ngữ Trung Quốc	670/QĐ-KĐCLV	Trung tâm KĐCLGD – Trường Đại học Vinh	21/8/2023 ~ 21/8/2028
19	7220210	Ngôn ngữ	Ngôn ngữ Hàn Quốc	669/QĐ-KĐCLV	Trung tâm KĐCLGD – Trường Đại học Vinh	21/8/2023 ~ 21/8/2028
20	7220209	Ngôn ngữ	Ngôn ngữ Nhật	671/QĐ-KĐCLV	Trung tâm KĐCLGD – Trường Đại học Vinh	21/8/2023 ~ 21/8/2028
21	7220203	Ngôn ngữ	Ngôn ngữ Pháp	672/QĐ-KĐCLV	Trung tâm KĐCLGD – Trường Đại học Vinh	21/8/2023 ~ 21/8/2028
22	7140231	Sư phạm	Sư phạm tiếng Anh	19/QĐ-KĐCLV	Trung tâm KĐCLGD – Trường Đại học Vinh	04/3/2024 ~ 04/3/2029
23	7140234	Sư phạm	Sư phạm tiếng Trung Quốc	15/QĐ-KĐCLV	Trung tâm KĐCLGD – Trường Đại học Vinh	04/3/2024 ~ 04/3/2029

TT	Mã ngành	Tên ngành	Tên chương trình đào tạo	Số QĐ công nhận kiểm định chất lượng	Tên tổ chức	Thời gian hiệu lực
24	7140235	Sư phạm	Sư phạm tiếng Đức	18/QĐ-KĐCLV	Trung tâm KĐCLGD – Trường Đại học Vinh	04/3/2024 ~ 04/3/2029
25	7140237	Sư phạm	Sư phạm tiếng Hàn Quốc	17/QĐ-KĐCLV	Trung tâm KĐCLGD – Trường Đại học Vinh	04/3/2024 ~ 04/3/2029
26	7140236	Sư phạm	Sư phạm tiếng Nhật	16/QĐ-KĐCLV	Trung tâm KĐCLGD – Trường Đại học Vinh	04/3/2024 ~ 04/3/2029
27	8140231	Sư phạm	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh		Trung tâm KĐCLGD – Trường Đại học Vinh	Đã hoàn thành đánh giá ngoài vào ngày 6/12/2024

V. KẾT QUẢ TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO

1. Các chỉ số đánh giá về tuyển sinh và đào tạo⁹

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo (2024)	Năm trước liền kề năm báo cáo (2023)	Đơn vị đầu mối
1	Tỷ lệ nhập học trung bình 3 năm	109%	108%	
2	Tỉ số tăng giảm quy mô đào tạo 3 năm	0,1	0,03	
3	Tỷ lệ thôi học	2,3%	0,49%	
4	Tỷ lệ thôi học năm đầu	0,36%	0,38%	

5	Tỷ lệ tốt nghiệp	93.86%	92.79%	
6	Tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn	79.8%	78.9%	
7	Tỷ lệ người học hài lòng với giảng viên	92,6%		
8	Tỷ lệ người tốt nghiệp hài lòng tổng thể	72,6%		
9	Tỷ lệ người tốt nghiệp có việc làm đúng chuyên môn	38,68%	27,61%	

2. Quy mô đào tạo, tuyển mới và tốt nghiệp trong năm

TT	Số lượng người học	Đang học	Tuyển mới	Tốt nghiệp	Tỷ lệ việc làm ¹³
I	Đại học				
1	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên				
	Chính quy	732	2186	1278	98,26%
	Vừa làm vừa học	1391	676	515	100%

2	Kinh tế Tài chính				
	Chính quy	1485	341	174	95%
II	Thạc sĩ				
1	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	522	291	84	99%
III	Tiến sĩ				
1	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	60	24	3	100%

VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Các chỉ số đánh giá về hoạt động khoa học và công nghệ¹⁰

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo (2024)	Năm trước liền kề năm báo cáo (2023)
1	Tỉ trọng thu khoa học-công nghệ		
2	Số công bố khoa học/giảng viên	244/444	240/459
3	Số công bố WoS, Scopus/ giảng viên	42/444	45/459

2. Các đề tài nghiên cứu khoa học thực hiện trong năm

TT	Đề tài nghiên cứu khoa học	Số lượng	Kinh phí thực hiện trong năm
1	Đề tài cấp Nhà nước		
2	Đề tài cấp bộ, tỉnh	02	500
3	Đề tài cấp cơ sở	26	3090
4	Đề tài hợp tác doanh nghiệp (trong nước)		
5	Đề tài hợp tác quốc tế		
	Tổng số		

3. Kết quả công bố khoa học, công nghệ

TT	Công trình công bố	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Tổng số bài báo khoa học được HĐGSNN công nhận không nằm trong danh mục WoS, Scopus và bằng độc quyền giải pháp hữu ích	05	08
2	Tổng số công bố WoS, Scopus tất cả các lĩnh vực	42	45
3	Tổng số sách chuyên khảo, số tác phẩm nghệ thuật và thành tích thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế	05	08

4	Tổng số bằng độc quyền sáng chế	0	0
5	Tổng số bằng độc quyền giải pháp hữu ích	0	0

VII. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Các chỉ số đánh giá về tài chính¹¹

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Biên độ hoạt động trung bình 3 năm	29.87	27.98
2	Chỉ số tăng trưởng bền vững	20.74	

2. Kết quả thu chi hoạt động¹²

TT	Chỉ số thống kê	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
A	TỔNG THU HOẠT ĐỘNG	484.969	489.039
I	Hỗ trợ chi thường xuyên từ Nhà nước/nhà đầu tư	45.133	49.009
II	Thu giáo dục và đào tạo	409.861	390.347
1	Học phí, lệ phí từ người học	263.768	259.062
2	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN		
3	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài		

4	Thu khác	146.093	131.285
III	Thu khoa học và công nghệ	1.469	10.901
1	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN		
2	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài	891	2.504
3	Thu khác	578	
IV	Thu khác (thu nhập ròng)	28.506	38.782
B	TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG	333.850	344.602
I	Chi lương, thu nhập	147.456	145.305
1	Chi lương, thu nhập của giảng viên	121.738	121.115
2	Chi lương, thu nhập cho cán bộ khác	25.718	24.190
II	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	16.751	12.388
1	Chi cho đào tạo	16.751	12.388
2	Chi cho nghiên cứu		
3	Chi cho phát triển đội ngũ		
4	Chi phí chung và chi khác		
III	Chi hỗ trợ người học	59.156	52.851

1	Chi học bổng và hỗ trợ học tập	37.826	42.244
2	Chi hoạt động nghiên cứu	15.945	6.101
3	Chi hoạt động khác	5.385	4.506
IV	Chi khác	110.487	134.058
C	CHÊNH LỆCH THU CHI	151.119	144.437

VIII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC¹³

1. Công tác tổ chức cán bộ

Cơ cấu tổ chức

- Năm 2024, Nhà trường tiếp tục vận hành hiệu quả mô hình quản trị đại học có Hội đồng trường, triển khai bài bản, hiệu quả Quy chế phối hợp giữa cấp ủy, hội đồng trường và ban giám hiệu ban hành theo Quyết định số 1737/QĐ-ĐHQGHN ngày 03/5/2024 của Giám đốc ĐHQGHN. Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN đã triển khai rà soát, hoàn thành công tác xây dựng và quản lý vị trí việc làm, xây dựng Đề án vị trí việc làm (ban hành theo Nghị quyết số 806/NQ-HĐT ngày 08/4/2024 của Hội đồng trường), xây dựng kế hoạch số người làm việc giai đoạn 2024-2026 theo quy định và hướng dẫn của Nhà nước, của các Bộ quản lý, ĐHQGHN để đề nghị cấp có thẩm quyền phê duyệt Đề án vị trí việc làm của Trường với mục tiêu hoàn thiện cơ cấu tổ chức; nâng cao chất lượng đội ngũ VC, NLD; thực hiện tinh giản biên chế hưởng lương ngân sách nhà nước; đổi mới công tác tuyển dụng, quản lý, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá VC, NLD theo vị trí việc làm gắn với kết quả đầu ra và thực hiện trả lương theo VTVL phù hợp với lộ trình cải cách chính sách tiền lương.

Phát triển đội ngũ

Công tác quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ lãnh đạo quản lý thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước, ĐHQGHN và của Trường ĐHNN. Năm 2024, Nhà trường đã bổ nhiệm mới 01 trưởng đơn vị; bổ nhiệm mới 03 phó trưởng đơn vị, 08 trưởng bộ môn, 02 phó trưởng bộ môn; bổ nhiệm lại 01 trưởng đơn vị, 02 trưởng bộ môn, 01 phó trưởng bộ môn.

Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ

- Năm 2024, công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ được Nhà trường đặc biệt quan tâm, đã cử 9 cán bộ, giảng viên đi bồi dưỡng từ 3-6 tháng tại nước ngoài.

- Tiếp nối thành công của khóa I, II bồi dưỡng quản trị đại học tổ chức cuối năm 2023, năm 2024, với mục tiêu phát triển năng lực quản trị đại học cho cán bộ, Nhà trường đã tổ chức thành công bồi dưỡng kiến thức về quản trị đại học khóa III cho 96 viên chức, người lao động khối phục vụ đào tạo.

2. Công tác đào tạo, học sinh sinh viên

2.1. Đào tạo

Đào tạo THCS, THPT Chuyên

Đào tạo THCS:

- Tuyển sinh 156/150 chỉ tiêu (đạt 106%).

- Năm 2024, nhà trường tiếp tục tổ chức dạy học các môn học cyber tại tất cả các khối học, áp dụng mô hình học tập kết hợp trực tiếp - trực tuyến một cách linh hoạt: giáo viên chủ động xây dựng video bài học và hệ thống bài tập hỗ trợ học sinh; xây dựng ngân hàng đề kiểm tra, đánh giá trực tuyến thường xuyên và định kỳ; xây dựng và ban hành quy trình kiểm tra đánh giá định kỳ (giữa kỳ và cuối kỳ), kèm theo các biểu mẫu, quy định đi kèm; điều chỉnh chương trình dạy học kết hợp phù hợp với chương trình giáo dục phổ thông mới: xây dựng chương trình dạy học kết hợp đối với các môn học đặc thù của trường như: Toán UMS, Văn UMS, Public Speaking; tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo theo hình thức trực tuyến và trực

tiếp, linh hoạt trong việc tổ chức hoạt động cho học sinh và thu hút sự tham gia của cả phụ huynh học sinh, tăng cường tính kết nối cộng đồng.

- Năm 2024, Trường THCS Ngoại ngữ đã tổ chức Hội nghị sơ kết 05 năm hoạt động và định hướng phát triển Trường THCS Ngoại ngữ (UMS). Hội nghị đánh giá hoạt động trong 05 năm và đề ra phương hướng, nhiệm vụ phát triển trong thời gian tới nhằm thực hiện chủ trương giáo dục toàn diện – phát triển cá nhân. Nhà trường đã ban hành Kế hoạch phát triển trường THCS Ngoại ngữ giai đoạn 2025-2030 (*kèm theo Quyết định số 2350/QĐ-ĐHNN ngày 02/12/2024*).

- Bên cạnh đó, Trường THCS Ngoại ngữ đang triển khai Đề án thí điểm Trường Trung học cơ sở Ngoại ngữ dạy – học và sử dụng tiếng Anh như ngôn ngữ thứ 2.

Đào tạo THPT Chuyên:

- Tuyển sinh 650/525 chỉ tiêu (đạt 131%);

- Năm 2024, Nhà trường tiếp tục thực hiện đổi mới nội dung giảng dạy, phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá ở các môn học, tăng cường trải nghiệm sáng tạo các môn học; điều chỉnh, bổ sung các hoạt động ngoại khoá nhằm giúp học sinh phát triển các phẩm chất theo khung phẩm chất và năng lực học sinh chuyên ngoại ngữ; tổ chức việc chọn các môn học lựa chọn cho học sinh khối 10, phân lớp môn học cho các môn học lựa chọn; xây dựng kế hoạch dạy học và hệ thống bài tập bổ trợ, nâng cao theo chương trình GDPT 2018...

+ Ngày 01/3/2024, Giám đốc ĐHQGHN đã ký Quyết định số 583/QĐ-ĐHQGHN về việc ban hành định mức kinh tế-kỹ thuật chương trình giáo dục phổ thông chuyên của Trường THPT Chuyên Ngoại ngữ giai đoạn 2024 – 2026;

+ Tiếp đó, ngày 05/3/2024, Giám đốc ĐHQGHN ký Quyết định số 638/QĐ-ĐHQGHN về việc phê duyệt Đề án đổi mới cơ chế hoạt động của Trường THPT Chuyên Ngoại ngữ, Trường ĐHNN, ĐHQGHN. Hiện nay, Trường THPT CNN đang tích cực triển khai thí điểm tự chủ theo Đề án đã được ĐHQGHN và Trường ĐHNN phê duyệt.

Đào tạo đại học chính quy

- Năm 2024, tuyển sinh đảm bảo đủ số lượng và chất lượng tất cả các ngành, cụ thể tuyển sinh 2221/2000 chỉ tiêu (đạt 111%);

- Năm 2024, Trường ĐHNN đã thí điểm đào tạo theo hình thức kết hợp ở bậc đào tạo đại học, sau đại học trong toàn trường, đã có 51 học phần đã được tổ chức giảng dạy theo hình thức kết hợp.

- Nhà trường hỗ trợ về cơ sở vật chất, nhân lực, vật lực cho công tác thí điểm mô hình đào tạo kết hợp cá thể hoá đến giảng viên ở bậc đại học và sau đại học; giảng viên tham gia thí điểm giảng dạy được hỗ trợ 3 triệu đồng/tín chỉ.

- Năm 2024, nhà trường triển khai Chương trình Ươm tạo tài năng từ bậc trung học phổ thông tại Trường (VNU 12+) năm học 2024-2025 cho 41 học sinh trúng tuyển. Chương trình ươm tạo tài năng từ bậc THPT được thiết kế với lộ trình học tập cá nhân hóa, giúp học sinh phát triển toàn diện. Nhà trường mong muốn tạo ra một cộng đồng học tập năng động, sáng tạo và thân thiện cho học sinh, sinh viên. Đây cũng là nguồn sinh viên có chất lượng theo học các CTĐT của Nhà trường trong 1-2 năm tới.

- Ngày 20/6/2024, Trường Đại học Ngoại ngữ đã nghiệm thu dạng thức phần thi Đánh giá năng lực tiếng Anh bài thi Đánh giá năng lực học sinh trung học phổ thông. Phần thi Đánh giá năng lực tiếng Anh là một cấu phần trong bài thi Đánh giá năng lực học sinh trung học phổ thông (HSA) do Trường Đại học Ngoại ngữ xây dựng dạng thức và phối hợp cùng Trung tâm Khảo thí của ĐHQGHN xây dựng ngân hàng đề thi và tổ chức thực hiện. Bài thi đánh giá năng lực học sinh trung học phổ thông của ĐHQGHN giai đoạn 2025-2030 có hợp phần Đánh giá năng lực tiếng Anh được đề xuất theo cấu trúc:

- + Phần 1 (Toán học & Xử lý số liệu/Tư duy định lượng): 75 phút, 50 câu hỏi, thang điểm 50.
- + Phần 2 (Văn học – Ngôn ngữ/Tư duy định tính): 60 phút, 50 câu hỏi, thang điểm 50.
- + Phần 3 (Đánh giá năng lực Tiếng Anh): 60 phút, 50 câu hỏi, thang điểm 50.

Đào tạo Sau đại học

- Tuyển sinh 385/100 (đạt 385%) học viên cao học và 33/20 NCS (đạt 165%).
- Năm 2024, cấp bằng thạc sĩ cho 105 học viên, cấp bằng tiến sĩ cho 08 NCS, Tổ chức bảo vệ luận án tiến sĩ cấp cơ sở cho 09 NCS, cấp ĐHQGHN cho 12 NCS.

Đào tạo Liên kết quốc tế và Vừa làm vừa học

- Đào tạo LKQT: tuyển sinh 341/350 sinh viên CTĐT LKQT (đạt 97%).
- Đào tạo VLVH: năm 2024 tuyển sinh được 676/420 sinh viên (đạt 139%).

2.2. Công tác chính trị, tư tưởng, học sinh/sinh viên

Công tác chính trị, tư tưởng

- Thực hiện tốt kế hoạch của Đảng ủy Nhà trường về việc đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; tiếp tục thực hiện cuộc vận động “Xây dựng phong cách, lề lối làm việc theo hướng chuyên nghiệp và môi trường thân thiện”.

- Triển khai chuyên đề Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh cho toàn thể sinh viên khóa QH.2024 tại cụm di tích Lăng Bác, Phủ Chủ tịch, Bảo tàng Hồ Chí Minh. Đây là hoạt động nhằm giáo dục truyền thống, tinh thần yêu nước và tôn vinh Bác Hồ kính yêu dành cho tân sinh viên. Đồng thời, chuyên đề tập trung vào chủ đề “Phương pháp học ngoại ngữ của Bác Hồ và tinh thần tự học” nhằm khuyến khích sinh viên tự học và học ngoại ngữ theo gương Người (ngày 29, 30, 31/10 và 5, 6, 7/11/2024).

- Năm 2024, ban hành được 04 bản tin nội bộ (vào các tháng 3, 6, 9, 12) và 01 bản tin đặc biệt cuối năm (Annual Report) bằng tiếng Việt và tiếng Anh.

- Trong năm 2024 đã đưa 977 tin bài lên Website của Nhà trường (trong đó có 258 tin bài bằng tiếng Anh).

Công tác học sinh/sinh viên

- Năm 2024, các hoạt động hỗ trợ, kết nối sinh viên được chú trọng, nhà trường tuyển chọn được 90 đại sứ học tập nhằm hỗ trợ sinh viên chưa đạt chuẩn đầu ra (CĐR) về năng lực tiếng. Kết quả: tính đến tháng 12/2024: Khoá QH2021 đạt CĐR ngoại ngữ 1: 619/1402 sinh viên (đạt tỷ lệ 44,3%); đạt CĐR ngoại ngữ 2: 380/1402 sinh viên (đạt tỷ lệ 27,1%).

- Nhằm tăng cường hoạt động trao đổi và học tập kinh nghiệm công tác sinh viên trong giai đoạn mới, góp phần nâng cao năng lực quản lý, hỗ trợ sinh viên, nhà trường tổ chức chương trình trao đổi, học tập kinh nghiệm về công tác sinh viên tại một số trường đại học thành viên của ĐHQGHN và các Trường đại học trên địa bàn Thành phố Hà Nội năm 2024.

- Năm 2024, nhà trường đã thực hiện chế độ miễn giảm học phí cho 369 sinh viên, chế độ trợ cấp xã hội cho 139 sinh viên, chế độ hỗ trợ chi phí học tập cho 74 sinh viên, chế độ hỗ trợ học tập cho 03 sinh viên. Đồng thời, đẩy mạnh công tác khen thưởng cho sinh viên, cụ thể: 14 sinh viên thủ khoa kỳ tuyển sinh năm 2024; 1166 sinh viên tốt nghiệp năm 2024; 22 sinh viên đạt Gương mặt trẻ tiêu biểu năm 2023; 1457 sinh viên đạt loại Giỏi và 593 sinh viên Xuất sắc năm học 2023-2024.

- Tiếp nhận bổng ngoài ngân sách 341 suất, với tổng giá trị học bổng 2.468.439.934 đồng. Đặc biệt, Nhà trường luôn đồng hành cùng các sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

- Năm 2024, nhà trường triển khai chương trình Vòng tay ULIS: hỗ trợ 34 sinh viên kinh phí sinh hoạt phí và học phí hàng tháng, nguồn hỗ trợ thu hút từ các cá nhân tổ chức trong và ngoài trường, tổng cộng 301.500.000đ.

- Dự án SignbySign - hệ thống ngôn ngữ ký hiệu hỗ trợ giao tiếp cho người khiếm thính của sinh viên Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHQGHN đạt ngôi vị Quán quân tại cuộc thi Sinh viên Thế hệ mới năm 2024 do Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Đài truyền hình Việt Nam và Trung ương Hội Sinh viên Việt Nam tổ chức.

- Nhà trường tổ chức “Ngày hội việc làm – ULIS Job Fair 2024” với gần 70 đơn vị tuyển dụng, 3033 sinh viên tham dự và giới thiệu được 3760 việc làm cho sinh viên.

3. Khoa học và Công nghệ

- Tổ chức một chuỗi với 05 hội thảo, tọa đàm, hội nghị chuyên đề trước ngày chính hội hội thảo khoa học quốc gia *Nghiên cứu và giảng dạy ngoại ngữ, ngôn ngữ và quốc tế học tại Việt Nam* (UNC2024). Ngày 20/4/2024, Trường ĐHNN tổ chức ngày chính hội Hội thảo quốc gia “Nghiên cứu và giảng dạy ngoại ngữ, ngôn ngữ và quốc tế học tại Việt Nam” năm 2024. Hội thảo có 02 báo cáo tại phiên toàn thể, 178 báo cáo trình bày tại 24 tiểu ban song song, 102 bài toàn văn được chọn lọc và đăng ký yêu hội thảo.

- Ngày 26/10/2024, nhà trường tổ chức Hội thảo khoa học Quốc tế dành cho học viên cao học và nghiên cứu sinh năm 2024 – 2024 IGRS. Hội thảo mang bản sắc chuyên môn thuộc các lĩnh vực liên quan tới ngôn ngữ và giảng dạy, nội dung gắn liền với chương trình học, chương trình nghiên cứu mà học viên, nghiên cứu sinh đã và đang thực hiện.

- Năm 2024, nhà trường đã ban hành chính sách tăng cường đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo tại Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN (ban hành theo Quyết định số 486/QĐ-ĐHNN ngày 06/02/2024 của Hiệu trưởng) nhằm động viên, khuyến khích cán bộ có công bố quốc tế, cụ thể: cán bộ, giảng viên có bài báo đăng trên tạp chí quốc tế nhóm Q1, hỗ trợ 80 triệu đồng/bài; nhóm Q2, hỗ trợ 60 triệu đồng/bài; Q3, Q4 hỗ trợ 40 triệu đồng/bài; đặc biệt hỗ trợ 150 triệu đồng đối với sách chuyên khảo được xuất bản bởi nhà xuất bản uy tín trên thế giới.

- Về NCKH, ĐMST và Khởi nghiệp sinh viên: trong năm 2024, Nhà trường tổ chức 04 đợt nghiệm thu đề tài NCKH, ĐMST và Khởi nghiệp sinh viên, cụ thể: (i) tháng 3/2024: tiếp nhận: 40 đề tài, dự án của 156 sinh viên. Kết quả: trao 03 giải Nhất, 13 giải Nhì, 12 giải Ba, 10 giải Khuyến khích; (ii) tháng 6/2024: tiếp nhận: 75 đề tài, dự án của 208 sinh viên. Kết quả: trao 08 giải Nhất, 24 giải Nhì, 23 giải Ba, 16 giải Khuyến khích; (iii) tháng 9/2024: tiếp nhận: 121 đề tài, dự án của 216 sinh viên. Kết quả: trao 09 giải Nhất, 25 giải Nhì, 49 giải Ba, 37 giải Khuyến khích; (iv) tháng 12/2024: tiếp nhận: 63 đề tài, dự án của 191 sinh viên. Kết quả: trao 05 giải Nhất, 20 giải Nhì, 22 giải Ba, 16 giải Khuyến khích.

4. Đảm bảo chất lượng và khảo thí

Công tác Đảm bảo chất lượng

- Năm 2024, nhà trường hoàn thành đánh giá kiểm định chất lượng Trường THCS Ngoại ngữ và đón nhận Quyết định công nhận Kiểm định chất lượng đạt chuẩn quốc gia mức độ 1.
- Từ ngày 04-06/12/2024, Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN hoàn thành đón đoàn đánh giá ngoài KĐCL CTĐT Thạc sĩ ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh.
- Năm 2024, Trường ĐHNN tổ chức thành công Ngày hội Chất lượng – ULIS Quality Day 2024 và lần đầu tiên tổ chức trao giải thưởng Sao vàng chất lượng, trao chứng nhận cho 17 hồ sơ ứng cử ở 3 hạng mục: đào tạo – phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học – chuyển giao tri thức, cung cấp dịch vụ – phục vụ cộng đồng. Kết quả: Giải thưởng cho hạng mục Đào tạo – Phục vụ đào tạo thuộc về Phòng CT&CTHSSV (Số hóa hồ sơ sinh viên), hạng mục Cung cấp dịch vụ – Phục vụ cộng đồng thuộc về nhóm Đồ họa thông tin ULIS (Đồ họa hóa văn bản quản lý điều hành Trường ĐHNN, ĐHQGHN), hạng mục Nghiên cứu khoa học – Chuyển giao tri thức thuộc về Khoa SPTA – Bộ môn Phương pháp giảng dạy (Phát triển năng lực sử dụng tác vụ giao tiếp thực trong dạy học ngoại ngữ).

Công tác Khảo thí

- Tổ chức thành công kỳ thi Olympic bậc Trung học phổ thông các môn ngoại ngữ năm học 2024–2025 của Đại học Quốc gia Hà Nội. Kỳ thi thu hút gần 850 thí sinh đến từ 92 Trường THPT chuyên và không chuyên thuộc 26 tỉnh, thành trên cả nước.
- Trong năm 2024, Trường ĐHNN, ĐHQGHN đã tổ chức 06 kỳ thi VNU Tests cho 09 ngoại ngữ và 03 bậc năng lực (Bậc 3, Bậc 4 và Bậc 5 theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam), cụ thể:

STT	ĐƠN VỊ	SỐ THÍ SINH DỰ THI	SỐ THI SINH ĐẠT	TỶ LỆ ĐẠT
-----	--------	-----------------------	--------------------	--------------

1	ĐH Ngoại ngữ	3672	2468	67%
2	ĐH Công nghệ	454	330	73%
3	ĐH Kinh tế	117	76	65%
4	ĐH Việt Nhật	29	20	69%
5	ĐH Luật	77	34	44%
6	ĐH Giáo dục	208	52	25%
7	ĐH KHXH&NV	240	134	56%
8	ĐH KHTN	128	69	54%
9	ĐH Y Dược	7	5	71%
10	Trường KHLN&NT	18	14	78%
11	Trường QT&KD	4	1	25%
12	Trường Quốc tế	1	0	0%
13	Thí sinh tự do	389	201	52%

5. Tài chính và cơ sở vật chất

Tài chính

- Thực hiện công tác giải ngân, thanh quyết toán đúng hạn, đúng quy định. Đa dạng hoá các nguồn thu từ các hoạt động liên kết đào tạo, các dự án, chương trình, dịch vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học.
- Tập trung và kiểm soát hiệu quả các khoản thu chi, đảm bảo đúng nội dung, quy định hiện hành của Nhà nước, thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí. Nâng cao hiệu quả của việc mua sắm và sử dụng cơ sở vật chất.

- Công tác quản lý, mua sắm tài sản thực hiện theo đúng quy trình và được theo dõi quản lý đầy đủ trên sổ kế toán của Trường. Thực hiện kiểm kê, rà soát tài sản trong toàn trường, triển khai dán tem mới và theo dõi trên phần mềm kế toán.

Cơ sở vật chất

- Hoàn thành cải tạo và đưa vào sử dụng giảng đường B2; hoàn thành việc chuyển đổi vị trí làm việc của văn phòng các đơn vị (Khoa Sư phạm tiếng Anh, Khoa Tiếng Anh, Khoa NN&VH CNN tiếng Anh, Khoa NN và VH Nga, Khoa NN và VH Trung Quốc) về nhà A5; gia tăng quỹ hội trường, lớp học, phòng họp.

- Đảm bảo tốt an ninh, trật tự, PCCC trong toàn trường, đặc biệt dịp lễ, tết.

6. Hợp tác phát triển

- Ngày 31/3/2024, Trường ĐHNN đã ra mắt và vận hành Kênh hỗ trợ giáo dục ngoại ngữ bậc phổ thông (ULIS CONNECT). ULIS CONNECT đã tổ chức được 3 hoạt động lớn: (i) Hội thảo “Day học nhằm phát triển năng lực toàn diện cho học sinh theo Chương trình giáo dục phổ thông mới” và theo hình thức trực tiếp và trực tuyến (ngày 31/3/2024) thu hút trên 4.500 giáo viên, nhà quản lý giáo dục thuộc 46 tỉnh, thành phố trong cả nước tham dự; (ii) tổ chức khóa học “Thầy cô giáo hạnh phúc” (ngày 05/5/2024) thu hút trên 1.200 giáo viên phổ thông toàn quốc tham dự; (iii) tổ chức Tọa đàm “Các nguyên tắc và kỹ thuật biên soạn đề ôn tập thi tốt nghiệp THPT môn tiếng Anh năm 2024” (ngày 02/6/2024) với sự tham gia của 1.000 giáo viên tiếng Anh bậc THPT trên toàn quốc.

- Năm 2024, hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng ở Trường ĐHNN, ĐHQGHN được triển khai phong phú, đa dạng, bao gồm các lĩnh vực: (i) Kết nối và phục vụ cộng đồng trong các hoạt động tình nguyện, nhân đạo và từ thiện; (ii) Kết nối và phục vụ cộng đồng trong lĩnh vực đào tạo, bồi dưỡng; (iii) Kết nối và phục vụ cộng đồng trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học và chuyển giao tri thức, công nghệ; (iv) Kết nối và phục vụ cộng đồng trong lĩnh vực tư vấn và phản biện và (v) Kết nối và phục vụ cộng đồng trong lĩnh vực hỗ trợ người học.

7. Quản trị đại học và thanh tra pháp chế

Quản trị đại học

- Năm 2024, Nhà trường đã điều chỉnh, bổ sung/ban hành mới 29 văn bản quản lý, điều hành (*Chi tiết tại Phụ lục 2*).
- Nhà trường tiếp tục rà soát, tăng cường giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các đơn vị và các Phó Hiệu trưởng; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tiếp tục thực hiện Hành chính Một cửa đối với cán bộ (41 thủ tục hành chính) và sinh viên (17 thủ tục hành chính).
- Tiếp tục triển khai 40/41 thủ tục hành chính một cửa dành cho cán bộ xử lý trên phần mềm quản lý văn bản và điều hành ĐHQGHN (VNU-Office) góp phần vào nâng cao chất lượng phục vụ cán bộ, thực hiện cải cách thủ tục hành chính ở Trường ĐHNN, ĐHQGHN.
- Tiếp tục triển khai mô hình quản trị theo mục tiêu và kết quả then chốt OKRs (Objectives and Key results) trong các lĩnh vực hoạt động của Nhà trường.
- Triển khai vận hành hiệu quả hệ thống quản lý văn bản và điều hành VNU-Office, đẩy mạnh ký số văn bản hành chính. Tính đến ngày 28/12/2024, có 6274/6872 (đạt 91,3%) văn bản đi của trường được ký số.
- Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính thông qua việc sử dụng tài liệu số thay cho tài liệu giấy khi tổ chức hội thảo, cuộc họp, hội nghị chuyên đề.

Thanh tra và pháp chế

- Thực hiện tốt công tác kiểm tra kỷ luật lao động các đơn vị trong toàn Trường; giám sát (thường xuyên, đột xuất) công tác đào tạo, tổ chức thi, chấm thi ĐHCQ, bằng kép, VLVH, SDH, LKQT, THPT CNN theo thời khóa biểu và lịch thi, giám sát thi đánh giá năng lực cho sinh viên, học sinh ĐHQGHN, thí sinh tự do; thanh tra các kỳ thi tuyển sinh của Trường. Công tác

giám sát, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch nhiệm vụ của tất cả đơn vị trong toàn Trường, nội dung các kết luận cuộc họp của lãnh đạo Nhà trường được thực hiện thường xuyên và báo cáo kết quả hằng tháng, hàng quý.

- Tiến hành các hoạt động phổ biến, tuyên truyền pháp luật bằng nhiều hình thức khác nhau cùng với việc hoàn thiện các văn bản quản lý nội bộ, hoàn thiện thể chế, nâng cao một bước công tác quản trị đại học.

Hà Nội, ngày 10 tháng 01 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Xuân Long

¹ Bao gồm các thông tin được quy định tại Điều 4 của Quy định này.

² Bao gồm các chỉ số theo Hướng dẫn xác định các chỉ số đánh giá tại Tiêu chuẩn 2 (Giảng viên) của Chuẩn cơ sở giáo dục đại học được ban hành theo Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

³ Ghi cụ thể năm báo cáo (Ví dụ: 2025, 2026...)

⁴ Ghi năm trước liền kề năm báo cáo (Ví dụ: 2024, 2025...)

⁵ Các số liệu thống kê bảo đảm thống nhất với quy định trong Chuẩn cơ sở giáo dục đại học được ban hành theo Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT

⁶ Chỉ tính số cán bộ quản lý và nhân viên các đơn vị hành chính phục vụ các hoạt động đào tạo, nghiên cứu, dịch vụ hỗ trợ cán bộ và sinh viên; không tính các đơn vị sản xuất, kinh doanh và dịch vụ hạch toán riêng.

⁷ Bao gồm các chỉ số theo Hướng dẫn xác định các chỉ số đánh giá tại Tiêu chuẩn 3 (Cơ sở vật chất) của Chuẩn cơ sở giáo dục đại học được ban hành theo Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT.

- ⁸ Diện tích đất và diện tích sàn được xác định theo quy định trong Chuẩn cơ sở giáo dục đại học được ban hành theo Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT.
- ⁹ Bao gồm các chỉ số theo Hướng dẫn xác định các chỉ số đánh giá tại Tiêu chuẩn 5 (Tuyển sinh và đào tạo) của Chuẩn cơ sở giáo dục đại học.
- ¹⁰ Bao gồm các chỉ số theo Hướng dẫn xác định các chỉ số đánh giá tại Tiêu chuẩn 6 (Nghiên cứu và đổi mới sáng tạo) của Chuẩn cơ sở giáo dục đại học được ban hành theo Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT.
- ¹¹ Bao gồm các chỉ số theo Hướng dẫn xác định các chỉ số đánh giá tại Tiêu chuẩn 4 (Tài chính) của Chuẩn cơ sở giáo dục đại học được ban hành theo Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT.
- ¹² Thống nhất với số liệu trong Biểu mẫu số liệu báo cáo thực hiện Chuẩn cơ sở giáo dục đại học được ban hành theo Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT; không bao gồm kinh phí đầu tư.
- ¹³ Kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm khác của nhà trường.